

VẤN ĐỀ TRI THỨC BẢN ĐỊA VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG VÙNG CƯ DÂN TẠI CHỖ TRƯỜNG SƠN - TÂY NGUYÊN

TS. Nguyễn Thị Hoà
Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên

Abstract

Transformation and unsustainable development in every aspect of ethnic society of Trường Sơn – Tây Nguyên is gradually disappearing indigenous traditional knowledge, that is unavoidable. Indigenous people are almost helpless before the deforestation. They have no status and power to protect their forest in the way of applying their own indigenous traditional knowledge. Before water and environment pollution, there are not enough knowledge for them to solve insufficient problems due to the fact that all things surpass their ability and knowledge. The transformation have damaged the material and cultural character and diverse spiritual traditions, their possible solutions are nostalgic or try to reach to lifestyle which is thought that is civilization due to the rapid change in the ethnic society of Trường Sơn – Tây Nguyên. Everything is in hesitation between the old and the new, the good and the bad. The transforming process of this region is not as like as other regions. The situation has been totally transformed beyond ability, thought and control of the local that is significant. This transformation is behind the cover is so-called the civilization, and the progress for expanding underdeveloped society, therefore indigenous knowledge of the ethnic in the certain situation is obviously either inessential or unmeaning.

Nowadays, the value of the indigenous knowledge has begun to get the attention, the right perception and the enhanced. However which position is the role of the indigenous knowledge in the transformation of the ethnic society in Trường Sơn – Tây Nguyên? How has it contributed in building an sustainable-developed society in Tây Nguyên?

Nhìn khái quát trong bối cảnh thế giới, khái niệm *phát triển bền vững*¹ hình thành vào thời điểm khá muộn so với hiện trạng của chính sự phát triển chưa quan

¹ *Phát triển bền vững* là khái niệm mới, xuất hiện lần đầu năm 1980 trong ấn phẩm *Chiến lược bảo tồn Thế giới* (công bố bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế - IUCN) với nội dung: *Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học* (Theo http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1t_tri%E1%BB%83n_b%E1%BB%81n_v%E1%BB%AFng). Trong các năm sau đó, 1987, 1992 và 2002, khái niệm này tiếp tục được hoàn chỉnh, thông qua các cuộc hội nghị quốc tế liên quan đến vấn đề môi trường, phát triển và đã được xác nhận cụ thể trong báo cáo của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới – WCED, với nội dung: *Phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...* (Theo Our Common Future. 1987. From One Earth to One World, An Overview, by the World Commission On Environment and Development, Oxford University Press, printed in Great Britain, p.8.). Nói cách khác, *phát triển bền vững phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ* (Theo http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1t_tri%E1%BB%83n_b%E1%BB%81n_v%E1%BB%AFng).

tâm đến bền vững của con người hành tinh. Ở Việt Nam, sự du nhập khái niệm *phát triển bền vững* được thấy trong những thập niên gần đây, đến nay quan niệm này vẫn chưa thực sự định hình trong ý thức cư dân.

Quá trình mở cửa, phát triển kinh tế, giao thoa văn hoá và hội nhập quốc tế, với mốc khởi đầu từ 1986, khiến đời sống xã hội cư dân các tộc người miền núi lẫn miền xuôi đã, đang thay đổi đến mức chóng mặt. Suốt cả quá trình biến đổi và hội nhập, hình như có không nhiều hoặc chưa bao hàm công tác chuẩn bị cho *phát triển bền vững*. Và vì thế không ít những tác hại mang nội dung *phát triển chưa bền vững* xảy ra trong thực trạng xã hội của chúng ta.

Trường Sơn – Tây Nguyên, khu vực miền núi xương sống của tổ quốc, vùng đất chiến lược vô cùng quan trọng. Nơi đây dung chứa khoảng gần 20 tộc người² có tiếng nói nằm trong nhóm ngữ hệ Nam Á và Nam Đảo. Các tộc người này được giới khoa học xếp vào nhóm loại hình kinh tế-văn hoá³ thứ hai, ở khu vực nhiệt đới gió mùa, trong tiểu vùng Đông Đông Dương⁴, là những *cư dân làm nông nghiệp dùng cuốc (tay) và chăn nuôi*.

Tồn tại trong nhóm loại hình kinh tế-văn hoá ấy, xã hội cư dân các tộc người Trường Sơn – Tây Nguyên có những đặc trưng kinh tế, văn hoá, xã hội không tương đồng với cư dân các tộc người ở vùng, miền khác. Quá trình đổi mới và hội nhập khiến những biến đổi theo xu thế hiện đại được nhìn thấy trong hầu hết các lĩnh vực sinh hoạt của xã hội cư dân khu vực này.

² Gia Rai, Êđê, Bahnar, Cơ Ho, Xê Đăng, Hrê, Rag lay, Mnông, Stiêng, Bru – Vân Kiều, Cơ Tu, Tà Ôi, Mạ, Giẻ - Triêng, Co, Chơ ro, Chu ru, Rơ Măm, Brâu.

³ Thuyết loại hình kinh tế-văn hoá và vùng văn hoá-lịch sử của các nhà khoa học Liên Xô, mà đại biểu là N.N. Trêbôkxarôp và một số học giả khác S.P. Tônxtôp (1933); M.G. Lêvin & N.N. Trêbôkxarôp (1955); S.A. Tôkarep, B.V. Andrianop (1975). . .

⁴ N.N. Trêbôkxarôp, 1971; Ngô Đức Thịnh. 2004.

**CÁC LĨNH VỰC SINH HOẠT XÃ HỘI - TRUYỀN THÔNG VÀ BIẾN ĐỔI
CỦA CƯ DÂN BẢN ĐỊA TRƯỜNG SƠN-TÂY NGUYÊN**

STT	LĨNH VỰC SINH HOẠT	SINH HOẠT TRUYỀN THÔNG	BỀN VỮNG	SINH HOẠT HIỆN NAY	BỀN VỮNG
1	KINH TẾ	- Làm rẫy	X	- trồng lúa nước + làm rẫy	0
		- Săn bắt thú, đánh bắt cá bằng công cụ truyền thống	X	- Săn bắt thú, đánh bắt cá bằng công cụ hiện đại	0
		- Chăn nuôi thả rông	X	- Chăn nuôi chuồng	0
		- Mua bán thông qua vật ngang giá	X	- Mua bán thông qua tiền tệ	0
		- Nghề thủ công truyền thống	X	- Nhiều máy móc hiện đại – máy cày, máy bơm, ti vi, tủ lạnh, đầu video, hand phone	0
2	XÃ HỘI	- Buôn, plei	X	- Thôn, buôn, plei	0
		- Dòng họ truyền thống	X	- Dòng họ đa hợp	0
		- Đại gia đình	X	- Tiểu gia đình	0
		- Lao động theo giới, sức khỏe, độ tuổi và tri thức truyền thống	X	- Lao động theo giới sức khỏe, độ tuổi và tri thức hiện đại	0
		- Đầu làng = người già có tri thức & kinh nghiệm	X	- Trưởng thôn, buôn, plây & người già uy tín	0
		- Thầy cúng, thầy bói, người đỡ đẻ	X	- Sinh hoạt tâm linh, y tế hiện đại	0
		- Nguyên tắc hôn nhân truyền thống – lưỡng hợp	X	- Nguyên tắc hôn nhân biến đổi - đa hợp	0
		- Nguyên tắc gia đình truyền thống – gia đình lớn phụ hệ, mẫu hệ	X	Nguyên tắc gia đình biến đổi – gia đình nhỏ phụ hệ, mẫu hệ	0
		- Luật tục đơn vị cơ sở truyền thống	X	Luật tục truyền thống + biến đổi	0
3	VĂN HOÁ	- Tín ngưỡng đa thần	X	Tín ngưỡng đa thần + thiên chúa giáo + Tin lành	0
		- Lễ hội truyền thống gắn với tín ngưỡng đa thần	X	Lễ hội truyền thống giảm + Sinh hoạt cộng đồng tôn giáo, văn hoá hiện đại như xem ti vi, phim, ảnh, video, dance	0
		- Văn học dân gian truyền thống – Sử thi, truyện cổ, ca dao. . .	X	Văn học dân gian truyền thống giảm, thâm nhập truyện, thơ, nhạc hiện đại	0
		- Nhạc khí truyền thống công chiêng, đàn tre nứa, trống da. . .	X	Nhạc khí truyền thống giảm, thâm nhập nhạc khí phương Tây	0
		- Âm thực truyền thống	X	- Âm thực truyền thống +	0

				sản phẩm ẩm thực hiện đại	
		- Trang trí, điêu khắc, hoa văn truyền thống	X	- Truyền thống + hiện đại	0
		- Nhà sàn và tập quán truyền thống	X	- Nhà sàn, nhà đất, nhà ½ sàn ½ đất, nhà xây, nhà lầu	0

Chú thích:

X: Yếu tố bền vững

0: Yếu tố đang chuyển đổi và chưa bền vững

Bảng, khái quát bước đầu cho thấy chuyển biến căn bản trong đời sống cư dân Trường Sơn – Tây Nguyên ở các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá. Với xã hội *cư dân làm nông nghiệp dùng cuốc (tay) và chăn nuôi*, thì các đặc trưng yếu tố sinh hoạt truyền thống như trình bày là phù hợp với trình độ phát triển của hình thái kinh tế xã hội của họ. Và vì thế chúng tất yếu phải là những yếu tố hợp lý, bền vững, hài hoà, mới có thể đảm bảo sự sinh tồn của các tộc người qua hàng ngàn năm.

Yếu tố biến đổi thể hiện qua bảng, có thể nhận thức được vẫn chưa bao hàm tính bền vững. Bởi, chúng là yếu tố du nhập từ bên ngoài. Quá trình du nhập lại không được thẩm thấu theo thời gian, không mang ý nghĩa tự nhiên, chưa được tiếp nhận một cách có chọn lọc. Nhiều yếu tố du nhập vào xã hội cư dân bản địa một cách ào ạt với dung lượng lớn, tốc độ nhanh.

Trong bối cảnh va chạm đột biến giữa hai nền văn minh, nền văn minh bản địa khép kín của các tộc người Trường Sơn – Tây Nguyên và nền văn minh hiện đại, điều ấy ắt tạo nên nhiều mảnh vỡ tổn thương cho xã hội các tộc người, nơi xảy ra hiện trạng va chạm. Điều ấy cũng khiến cho các xã hội có cấu trúc cổ truyền bền vững dần biến đổi, phát triển trong trạng thái khó có thể bền vững.

Chẳng hạn: Các tộc người khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên là những cư dân canh tác bằng phương thức phát rừng làm rẫy. Họ làm rẫy luân khoảnh. Đầu tiên cư dân phát và canh tác trên một đám rẫy. Rẫy bạc màu, họ phát đám rẫy khác. Khi những đám rẫy mới bạc màu, họ quay trở lại canh tác trên rẫy cũ. Với cây chà gạt thô sơ, cư dân phát rẫy bằng tay. Nông cụ đơn giản chỉ dựa vào sức người, thì khả năng phá huỷ những cánh rừng của họ không cao. Quy trình canh tác rẫy khép kín như vậy cũng khiến mức độ phá rừng hạn chế. Hơn nữa, luật tục cư dân cũng có quy định về những cánh rừng được tự do phát rẫy và những cánh rừng thiêng không cho phép chặt đốn cây. . . Nhìn chung, cuộc sống gắn bó với thiên nhiên, tôn trọng thiên

nhiên, xem thiên nhiên là bạn là thần thánh đã khiến người Trường Sơn – Tây Nguyên hoà nhập với thiên nhiên, với rừng núi như là một thực thể thống nhất cùng phát triển. Và, mối quan hệ chung sống đó là bền vững.

Vì lý do người bản địa phá rừng làm rẫy, năng suất lúa rẫy thấp, khiến đời sống cư dân đói nghèo, ta tập họ làm ruộng nước. Người Trường Sơn – Tây Nguyên dần làm quen với máy móc nông nghiệp hiện đại, phân hoá học, thuốc trừ sâu. Năng suất lúa trên những cánh đồng miền núi cao hơn so với năng suất lúa rẫy. Địa bàn canh tác ổn định, cư dân cũng bớt phát rẫy. Nhưng, môi trường nơi đây từ đây dần bị ô nhiễm bởi hợp chất hoá học. Với địa thế miền núi, cao nguyên; phân hoá học, thuốc trừ sâu phun, bón trên những cánh đồng ngấm vào đất, toả đến các nguồn nước ngầm bên dưới, là những mạch nước cư dân đang uống, và rồi tuôn ra sông, suối. Đây là một trong những lý do khiến nguồn nước uống lẫn nước tắm giặt của khu vực miền núi ngày càng ô nhiễm nặng.

Đặc biệt, dù đã giảm hẳn tình trạng phát rẫy, nhưng rừng càng bị tàn phá nặng nề hơn bởi nhiều lý do: lâm tặc, các công trình thủy điện⁵, dân di cư từ nơi khác đến. . . Gần đây, chính cả người bản địa cũng tham gia vào việc phá rừng. Họ không thể không chứng kiến những cánh rừng thiêng của họ lần lượt bị san phẳng. Họ đã bớt tín ngưỡng về các vị thần trong rừng. Và, người dân địa phương tự đặt câu hỏi: tại sao rừng mất? Tại sao người khác lấy gỗ của rừng mà ta lại không lấy gỗ rừng của mình dựng nhà cho mình? . . . Từ đây, ngày càng khó giữ được rừng. Rừng đầu nguồn bị huỷ diệt làm ảnh hưởng không chỉ đối với cư dân tại chỗ, mà còn để tác hại cho cả vùng đồng bằng bên dưới. Mới gần đây, tình trạng lũ lụt ở miền Trung đã được báo động: *Thiệt hại nặng nề ở miền Trung một mặt do mưa lớn, một mặt do các công trình thủy điện, giao thông làm biến đổi dòng chảy tự nhiên, chậm thoát ra biển*⁶. . . Như vậy, những biến đổi liên quan đến rừng, cho thấy rõ hiện trạng không bền vững của vùng sinh thái - xã hội cư dân các tộc người Trường Sơn – Tây Nguyên và cả vùng sinh thái - xã hội các tộc người liên quan ở khu vực đồng bằng.

⁵ Theo tính toán để tạo ra 1 MW điện, phải lấy đi ít nhất 10 – 30 ha rừng. Để có được 1000 ha làm thủy điện, phải san bằng 1000 đến 2000 ha đất ở thượng nguồn. Đó là chưa kể, sự san phẳng rừng để mở đường vận chuyển, xây dựng đường dây truyền tải điện. . . Nguồn: Vnexpress.com. Bài: *Phá rừng khiến lũ miền Trung trầm trọng*.

⁶ Theo quan điểm của ông Trần Đình Đoàn, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, nguyên bí thư Hà Tĩnh. Nguồn Vnexpress.com

Ở lĩnh vực tín ngưỡng, người Trường Sơn – Tây Nguyên là những cư dân theo tín ngưỡng đa thần – vạn vật hữu linh. Có một thời gian, khi tiếp cận khu vực này, chúng kiến các cuộc lễ hội tập trung cư dân nhiều buôn, plei, kéo dài hàng mấy ngày đêm, giết trâu, bò và uống hằng chục, trăm chén rượu cần. . ., ta cho điều này là lãng phí và tìm cách hạn chế. Những tiếp cận chưa thực sự sâu sắc để có thể hiểu rằng, lễ hội của người Trường Sơn – Tây Nguyên luôn gắn với tín ngưỡng đa thần. Đây là một trong những khía cạnh sinh tồn về mặt tâm linh, tình cảm, tạo nên tính đa dạng và cân bằng cho xã hội *cư dân làm nông nghiệp dùng cuốc (tay) và chăn nuôi*, là tập quán sinh hoạt không thể thiếu trong đời sống của người miền núi.

Không tổ chức lễ hội, tức là cộng đồng không còn có cơ hội tập trung để tìm lại cội nguồn cư dân thông qua các thành viên dòng họ. Có lễ hội mà không hiến sinh gia súc, tức cộng đồng đã mất đi tín ngưỡng về những vị thần của họ. Ở khía cạnh tăng khẩu phần thức ăn, khi không có vật hiến sinh, người Trường Sơn – Tây Nguyên mất đi vài bữa cơm thịt hiếm hoi trong một năm làm việc cực nhọc và trong bối cảnh săn thú không dễ dàng từ vũ khí cung, nỏ đơn sơ. Không hiến sinh trong lễ hội, điều này cũng dẫn đến hạn chế chăn nuôi của người thiểu số. Bởi, đối với cư dân nơi đây, gia súc được chăn nuôi đa phần chỉ dùng hiến sinh tế thần. Không được uống rượu cần, đồng nghĩa với việc người Trường Sơn – Tây Nguyên đã bị hạn chế một trong những nhu cầu tận hưởng ẩm thực cuộc sống, được xếp vào loại nhu cầu ẩm thực cần thiết bậc nhất trong đời sống của họ. Lễ hội mà không hiến sinh, cầu cúng, thiếu rượu cần, thì các nghi thức và sinh hoạt văn hoá tiếp theo như đánh cồng chiêng, ca hát, kể chuyện lịch sử tộc người, hát kể sử thi, múa, tấu các loại nhạc khí. . . không thể thực hiện được. Nếu có thì cũng chỉ là những sắp đặt xơ cứng, gượng gạo, không sinh động, không thực.

Như vậy, chỉ với việc hạn chế hiến sinh gia súc và uống rượu cần trong lễ hội của cư dân Trường Sơn – Tây Nguyên, ta đã động chạm đến một mắt xích trong đời sống văn hoá - tâm linh của họ, lay động các mắt xích quan hệ khác, khiến làm rạn nứt sự cân bằng, bền vững của lối sống những *cư dân làm nông nghiệp dùng cuốc (tay) và chăn nuôi*.

Có một giai đoạn, đời sống người Trường Sơn – Tây Nguyên khá nghèo nàn về văn hoá - tâm linh. Ngày ngày, ngoài lao động sản xuất, họ ít được hưởng thụ văn hoá. Vài buổi chiếu phim công cộng, vài buổi biểu diễn văn nghệ trong năm, vài tài

liệu sách báo. . . không đủ lấp đầy khoảng trống thiếu vắng lễ hội, công chiêng, rượu cần, âm nhạc. . . Thời gian này, thoảng chúng tôi chứng kiến vài buổi chiếu phim của đội thông tin lưu động, cư dân các buôn làng kéo nhau đến, đội mưa lớn, chờ suốt đêm để được xem phim. Trong sâu thẳm mong ước, cư dân các tộc người Trường Sơn – Tây Nguyên càng khát khao hơn được hưởng thụ các loại hình sinh hoạt văn hoá – tâm linh bản địa của chính họ. Vào thời điểm đó, một loại hình tôn giáo hiện đại lâu nay ngấp nghé len vào đời sống cư dân các tộc người bản địa, nhưng chưa có ảnh hưởng sâu rộng, nay có dịp tiếp cận, đem giáo lý và niềm tin về Chúa đến với người thiểu số. Trong cơn khát hưởng thụ văn hoá – tâm linh, người bản địa nhanh chóng tiếp nhận, gia nhập làm tín đồ của tôn giáo này. Tin Lành thu hút khá nhiều tín đồ người bản địa Trường Sơn – Tây Nguyên trong thời gian rất ngắn. Và ở một số nơi, tôn giáo Tin Lành dần thay thế tín ngưỡng đa thần trong tâm thức cư dân, bù lấp khoảng trống tạm thời của hiện trạng thiếu nhu cầu tâm linh lẫn vật chất của người bản địa vào thời điểm ấy.

Sự thay thế sẽ ít điều đáng nói, nếu không xảy ra hiện tượng va chạm giữa hai nền văn minh trong lĩnh vực tâm linh. Tín ngưỡng đa thần của người bản địa tin mọi vật đều có thần linh, trong khi Tin Lành quy ước tín đồ của họ chỉ được tin vào Chúa. Sau khi người bản địa chấp nhận rồi bỏ tín ngưỡng của mình trở thành tín đồ của Chúa, thì hàng loạt vật dụng quý của những tín đồ đa thần như chiêng, ché. . . đã bị đem ra khỏi ngôi nhà ở, bị đập vỡ hoặc bị bán đi. Bởi những vật dụng ấy đã từ thuở nào dung chứa những “*vị thần tà đạo*”. Có một thời báo chí Việt Nam nói nhiều về hiện tượng chảy máu công chiêng. Giai đoạn ấy chính là thời điểm xảy ra quá trình chuyển biến vừa kể trong thế giới tâm linh người thiểu số Trường Sơn – Tây Nguyên.

Việc vứt bỏ các hiện vật cổ mang giá trị truyền thống vật chất lẫn tâm linh của người bản địa, là hậu quả của một trong những sự va chạm giữa hai nền văn minh – hiện đại ngoại lai và truyền thống bản địa; giữa tôn giáo độc thần hiện đại và tín ngưỡng đa thần cổ truyền. Chưa có phân tích cụ thể về điều tốt lành hay thất bại trước hiện trạng này. Mặc dầu vậy, những mất mát lớn về tài sản văn hoá truyền thống của cư dân bản địa là có thể khẳng định, trong bối cảnh cần lưu giữ vốn văn hoá đặc sắc của các tộc người Trường Sơn – Tây Nguyên. Điều này là sự thể hiện

tính xáo trộn trong bản chất ổn định, bền vững; sự tổn thương đang xảy ra đối với nền văn hoá của các tộc người bản địa.

Bên cạnh *phát triển bền vững*, gần đây, mối quan tâm về điều gọi là *tri thức bản địa* cũng bắt đầu tác động đến lương tri mọi người. Sử dụng khái niệm *tri thức bản địa*, có thể hiểu nó trong bối cảnh đối lập với *tri thức không bản địa*. Mà loại *tri thức ngoại lai* này, được hình dung nó đại diện cho sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, của nền văn minh nhân loại hiện đại. Và, nó có thể là một trong những yếu tố du nhập từ bên ngoài vào, tác động đến xã hội cư dân bản địa. Có lẽ loại *tri thức không bản địa*, bên cạnh những ưu điểm, đã đem đến tác hại cho cư dân tại chỗ. Nên, con người đến lúc phải nhìn nhận lại, tìm lại, cầu cứu đến măng *tri thức bản địa* – một loại tri thức của người tại chỗ, được hình thành, hun đúc từ hàng ngàn năm sống với thiên nhiên, với đồng loại.

Như vậy trong bối cảnh phát triển của nhân loại hiện nay, ít nhất đã nảy sinh hai cặp phạm trù đối lập. Một, mang mục đích *cần phát triển bền vững* và hiện trạng đang *phát triển không bền vững* của nhiều xã hội tộc người. Một, thể hiện nhu cầu cần tận dụng *tri thức bản địa* tộc người và hiện trạng con người đang hướng đến cuộc sống hiện đại mà lãng quên *tri thức bản địa*.

Với nhận thức hiện tại, nội dung các khái niệm này mang ý nghĩa quan trọng đối với nhân loại. Bởi, sau quá trình bằng mọi cách khai thác, chiếm hữu thiên nhiên, bắt tự nhiên phục vụ lợi ích loài người. Nay cũng chính con người chột nhìn lại và thấy mình mất nhiều hơn được, bởi đã không sống hoà thuận với thiên nhiên, không tuân theo quy luật tự nhiên của tạo hoá.

Ngay ở nước Mỹ hiện đại nhất hành tinh được xem là *vwong quốc xe hơi*⁷, nay bắt đầu xảy ra hiện tượng *trỗi dậy của xe đạp*, bởi cư dân lo sợ sự *ấm lên của khí hậu toàn cầu hay đại dịch béo phì do lười vận động*. . .

Vấn đề *phát triển bền vững* và *tri thức bản địa* lại càng mang ý nghĩa hết sức cần thiết đối với các quốc gia nghèo đang phát triển. Bởi, trong quá trình vươn lên nhằm thoát khỏi đói nghèo, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, khi nhìn ra thế giới hào nhoáng của những cường quốc bên ngoài, các quốc gia nghèo luôn khao khát phát triển cháy bỏng. Nhưng kinh nghiệm phát triển của họ còn non yếu. Nội tại quốc gia họ thì nghèo nàn, lại chịu ảnh hưởng của một vài hoặc nhiều thế lực

⁷ Nguồn Vnexpress.com

khác nhau. Con lốc xoáy của thời đại thông tin internet, hand phone. . . lúc này sẵn sàng ập vào khuấy động bất kỳ một xã hội hoang sơ, heo hút nào. . . Tất cả, khiến họ không thể tự chủ, muốn phát triển thật nhanh, mà đôi khi quên hoặc không quan tâm đến yếu tố phát triển bền vững. Và hệ quả tiếp theo trong quá trình phát triển không bền vững ấy, tri thức của các tộc người bản địa, bị chính họ xem là lạc hậu, cổ hủ bị bỏ quên, dần rơi rụng, lụi tàn.

Theo các nhà khoa học của Viện Nghiên cứu quốc tế về môi trường và phát triển - IIED: *Nhiều tri thức truyền thống đang nhanh chóng biến mất. Ước tính tới năm 2100 sẽ có khoảng 50% đến 90% số ngôn ngữ trên thế giới, một chỉ số của tri thức truyền thống, sẽ biến mất*⁸.

Việt Nam là một trong những quốc gia như vậy, nghèo và đang cố gắng vươn lên, phát triển. Cũng không ngoài quy luật, Việt Nam với quá trình vươn lên của mình, đang phải đối mặt với tình trạng phát triển không bền vững trong nhiều lĩnh vực. Song hành với điều này là sự lãng quên, cạn kiệt dần những tri thức bản địa, tài sản vô giá giúp hỗ trợ sự phát triển bền vững của các tộc người bản địa trong quốc gia đa tộc người Việt Nam.

Mỗi tộc người có một bản sắc tri thức riêng, mỗi khu vực có hiện trạng phát triển đặc thù riêng. Tính đa dạng của hiện trạng phát triển khu vực hay sự đa dạng lụi tàn tri thức bản địa của các tộc người biểu hiện dưới nhiều sắc thái và không tương đồng. Vì thế, ở mỗi vùng miền trong nước, mỗi một tộc người trong 54 tộc người, ta tìm thấy đặc điểm phát triển không bền vững khác nhau, cũng như xu hướng cạn kiệt tri thức bản địa không đồng đều.

Sự thay đổi, phát triển không bền vững trên mọi lĩnh vực của xã hội cư dân các tộc người Trường Sơn – Tây Nguyên, khiến xu hướng mất dần vốn tri thức bản địa truyền thống là tất yếu. Trước hiện trạng phá rừng, người bản địa hầu như bất lực. Họ không có tư cách và quyền lực để bảo vệ rừng vận dụng theo tri thức bản địa truyền thống riêng của họ. Trước hiện trạng ô nhiễm nguồn nước, môi trường, người bản địa cũng không đủ tri thức để giải quyết vấn đề bất cập ấy, bởi tất cả vượt khỏi tầm kiến thức và khả năng của họ. Trước thực trạng thay đổi, thất thoát vốn văn hoá vật chất và tâm linh truyền thống đa dạng, cách giải quyết có thể có của người bản

⁸ <http://thiennhien.net/news/193/ARTICLE/9466/2009-09-17.html>

địa không ngoài việc hoài cổ hoặc cổ vươn theo nếp sống mà mọi người cho là văn minh. Bởi mọi thứ ở xã hội các tộc người Trường Sơn – Tây Nguyên đang biến đổi nhanh chóng, mọi thứ đang nhập nhòa trong ranh giới cũ mới, tốt xấu đan xen. Và, quá trình biến đổi ở khu vực này cũng không giống với những vùng miền khác. Điều quan trọng là, hiện trạng đã đang biến đổi hoàn toàn vượt ngoài khả năng, tư duy, tầm kiểm soát của người bản địa. Những tác động biến đổi lại ẩn sau vỏ bọc của điều gọi là văn minh, tiến bộ để phát triển các xã hội còn chậm tiến, nên tri thức bản địa của các tộc người trong bối cảnh nào đó hiển nhiên là không cần thiết, không mang một ý nghĩa nào cả. Nay, giá trị của tri thức bản địa đã được quan tâm, bắt đầu được hiểu đúng, đề cao. Nhưng vai trò tri thức bản địa ở vị trí nào trong bối cảnh thực trạng biến đổi của xã hội các tộc người Trường Sơn – Tây Nguyên? Nó sẽ có đóng góp như thế nào trong quá trình xây dựng xã hội Tây Nguyên phát triển bền vững?

Để có thể tận dụng được kho tàng tri thức bản địa trong phát triển bền vững, theo chúng tôi, cần xác định:

I.

- Quy hoạch vĩ mô và vi mô về phát triển vùng Trường Sơn – Tây Nguyên ở các lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, xã hội

- Định hướng phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội các tộc người hiện tại và tương lai

- Những chiến lược và sách lược cụ thể để phát triển đời sống cư dân khu vực này

Sau khi nắm được các quy hoạch, định hướng, chiến lược, sách lược, cần tiến hành công tác điều tra cơ bản về:

II.

- Đời sống cổ truyền của cư dân các tộc người Trường Sơn – Tây Nguyên

- Hiện trạng phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá của cư dân khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên

- Các yếu tố bền vững và không bền vững trong xã hội người Trường Sơn - Tây Nguyên – hiện trạng và nguyên nhân

- Xu hướng hình thành các yếu tố bền vững và sẽ không bền vững của xã hội người Trường Sơn - Tây Nguyên trong tương lai

Định vị được các vấn đề cơ bản và xu hướng phát triển của xã hội Tây Nguyên, tiếp theo cần tiến hành nghiên cứu:

III.

- Hệ thống tri thức bản địa của các tộc người khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên
- Mối quan hệ giữa tri thức bản địa và xã hội cổ truyền của cư dân tại chỗ
- Tính không bền vững của các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hoá trong đời sống và việc vận dụng tri thức bản địa xây dựng xã hội theo hướng bền vững

Đưa lý thuyết vào thực tế

IV.

- Xây dựng đơn vị cơ sở các tộc người Trường Sơn – Tây Nguyên theo hướng phát triển bền vững
- Giáo dục nhận thức cho cư dân bản địa về phát triển bền vững
- Cùng cư dân tại chỗ phát huy, vận dụng tri thức bản địa trong quá trình xây dựng xã hội phát triển bền vững

Với công việc này, công tác nghiên cứu cơ bản được tiến hành nghiêm túc, càng chi tiết, sẽ cho được câu trả lời xác đáng về vị trí của tri thức bản địa và việc vận dụng tri thức bản địa trong quá trình xây dựng xã hội cư dân các tộc người ở Trường Sơn – Tây Nguyên theo hướng phát triển bền vững

Quy trình xác định, định vị và nghiên cứu có thể đảo ngược. Trước hết tiến hành nghiên cứu cơ bản (II), (III). Khi kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề, việc xác định quy hoạch, định hướng phát triển, đề ra các chiến lược, sách lược (I) cho phát triển bền vững xã hội các tộc người Trường Sơn – Tây Nguyên mới được đề ra. Và, sau cùng là đưa lý thuyết vào thực tế (IV)

Như vậy trong bối cảnh hiện nay, tri thức bản địa chỉ có giá trị sử dụng khi đã được xác định vị trí tồn tại, thông qua nghiên cứu những vấn đề cơ bản của xã hội đang biến động Trường Sơn – Tây Nguyên. Vai trò của nghiên cứu cơ bản là cơ sở hết sức quan trọng, thậm chí quyết định cho sự thành công hay thất bại của công tác nhằm xây dựng xã hội các tộc người bản địa phát triển bền vững. Đề cập đến vấn đề tri thức bản địa và phát triển bền vững ở khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên, mà chưa tiến hành công tác điều tra cơ bản những lĩnh vực liên quan, thì cơ may thành công trong xây dựng và phát triển xã hội các tộc người bền vững sẽ không nhiều.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Charles Higham. 2002. *Early Cultures of Mainland Southeast Asia*. Thailand.
2. Conrad Phillip Kottak. 2009. *Cultural Anthropology (Thirteenth Edition)*. New York.
3. 3. Swiderska, K. 2006. *Protecting Community Rights over Traditional Knowledge: Implications of customary laws and practices. Project Folder*. IIED, London.
4. Hội Folklore Châu Á. 2005. *Giá trị và tính đa dạng của Folklore Châu Á trong quá trình hội nhập*. Nxb. Thế giới.
5. <http://www.baoquangnam.com.vn/kinh-te/nong-nghiep-nong-thon/18998-tri-thuc-ban-dia-cua-dong-bao-cotu-bai-cuoi-tan-dung-von-quy-tai-sao-khong.html>
6. <http://www.phongvyhttcr.gov.vn/index.php/vi/sang-tac/van-hoa-toc-nguoi/76-tri-thc-bn-a-va-cong-tac-xay-dng-svh.html>
<http://www.thiennhien.net/news/151/ARTICLE/11137/2010-05-26.html>